

Số:33/2020/LĐ-PT

Ngày:18/11/2020

*V/v: Tranh chấp về trường hợp bị  
đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội  
Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;*

*Các Thẩm phán* : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Ông Lê Trí Cường.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng  
-Kiểm sát viên.*

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số 18/2020/LĐPT ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc : “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc và yêu cầu bồi thường”

Do bản án Lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân Hà Đông bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2020/QĐPT-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ông V.M.H, sinh năm 1960**

Địa chỉ: X thành phố Hà Nội. (Có mặt ).

**Bị đơn: T. CĐKT-KTTM**

Trụ sở trường : Phường A, quận B thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật : Ông N.T.S- Hiệu trưởng T. CĐKT-KTTM. (Vắng mặt ).

Đại diện theo ủy quyền: Ông N.V.T, ông Đ.V.T, bà N.T.T.L( theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2019 ).

( Ông T có mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:***

Nguyên đơn ông V.M.H trình bày: Năm 1986 ông H được Bộ nội thương (nay là Bộ công thương ) phân công về giảng dạy tại trường TCTM ST. Đến khoảng năm 1990, 1991 thì trường TCTM ST sáp nhập với TCVT HĐ và đổi tên thành trường THPT TW I. Khoảng năm 1998 thì được nâng lên thành T. CĐKT-KTTM. Trong suốt quá trình thay đổi cơ cấu như vậy ông H vẫn giảng dạy tại trường theo như sự phân công và hưởng lương theo như chế độ hiện hành của nhà nước và là viên chức của nhà trường, đến năm 2002 do ông B.Đ.B là hiệu trưởng nhà trường có hành vi lừa đảo về việc tuyển sinh nên ông H đã tố cáo ông B. Do ông H tố cáo ông B nên nhà trường đã xét kỷ luật ông H và đã chuyển ông H sang làm việc tại phòng quản trị hành chính của trường cụ thể là quản lý khu nội trú của trường. Sự việc trên đã được Thanh tra chính phủ kết luận việc ông H tố cáo ông B là đúng và việc nhà trường kỷ luật ông H là không có cơ sở. Năm 2013 nhà trường căn cứ vào Quyết định số 0189 ngày 27/02/1999 của bộ trưởng Bộ thương mại ( nay là bộ công thương ) quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của trường và nghị định số 116 nghị định của Chính phủ về việc tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức nên nhà trường đã phải ký tất cả các hợp đồng đối với cán bộ công nhân viên chức, công chức của nhà trường. Nhà trường có mời ông H đến phòng tổ chức để ký hợp đồng thì ông H không đến ký vì khi đó ông H có yêu cầu nhà trường cho ông H xem các văn bản quy định thì nhà trường không cho xem nên ông H đã không ký Hợp đồng lao động.

Trong quá trình làm việc tại trường ông H luôn chấp hành tốt các quy định của nhà trường, không vi phạm kỷ luật gì. Đến năm 2016 khi ông N.T.S lên hiệu trưởng mới của nhà trường thì ông S có gọi ông H đến trao đổi và vận động ông H về nghỉ hưu thì ông H có nói nếu nhà trường cho ông H về nghỉ hưu thì phải chuyển ông H trở lại nhiệm vụ như ban đầu là giảng dạy và tính thâm niên công tác cho ông H theo chức danh là giảng dạy thì lúc đó ông H mới đồng ý, khi đó ông S nói đồng ý, nhưng sau này ông S lại thay đổi không như việc trao đổi trên nên ông H không đồng ý. Sau đó ông H vẫn tiếp tục công việc của ông H tại phòng, đến ngày 19/9/2017 thì nhận được Thông Báo ngừng trả lương của nhà trường đề ngày 14/9/2017. Theo nội dung thông Báo thì nhà trường sẽ ngừng trả lương ông H từ tháng 9/2017 với lý do ông vi phạm kỷ luật lao động và theo nội dung thông báo thì nhà trường còn thông báo cho ông H biết nếu ông H còn tiếp tục vi phạm kỷ luật thì nhà trường sẽ chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H. Thực tế ông H đã nhận đủ tiền lương của nhà trường đến hết tháng 8 năm 2017 và trong quá trình làm việc ông H cho rằng ông không vi phạm kỷ luật gì nên

không biết nhà trường căn cứ vào lý do gì để ngừng việc trả lương cho ông. Sau đó đến ngày 31/10/2018 nhà trường lại có Thông Báo về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H với lý do: 02 năm liên tiếp ông H không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thông Báo này ông H nhận được qua đường bưu điện khoảng trong thời gian 07 ngày kể từ ngày ra Thông Báo. Sau khi ông H nhận được Thông Báo này thì ông H đã không đến trường làm việc kể từ ngày nhận được Thông Báo ( sau thời gian khoảng 7 ngày ). Do ông H không đồng ý với các Thông Báo trên nên đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ Thông Báo số: 232/TB-CĐTM ngày 14/9/2017 về việc: Ngừng trả lương từ tháng 9/2017 đối với viên chức.

2. Hủy bỏ Thông Báo 340/TB –CĐTM ngày 31/10/2018 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

3.T. CĐKT-KTTM phải hoàn trả cho ông H toàn bộ tiền lương hàng tháng cùng với bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ( nếu nhà trường không đóng vào quỹ bảo hiểm theo quy định của nhà nước)+ tiền chia quỹ phúc lợi ( như một lao động bình thường) từ tháng 9/2017 đến khi giải quyết xong vụ án và số tiền hoàn trả đó phải được tính theo lãi xuất ngân hàng.

4. T. CĐKT-KTTM phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông H bị xâm phạm, chung quy là tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 592 (BLDS 2015) bằng mười lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định. Mức lương cơ sở được thực hiện từ ngày 01/7/2019 là 1,49 triệu đồng/tháng. Vậy số tiền này ông Sphải bồi thường là 14,9 triệu đồng.

Ngoài các yêu cầu trên ông H không còn yêu cầu nào khác.

**Người đại diện theo ủy quyền của TCĐKTKTTM ông N.V.T trình bày:**

TCĐKTKTTM có tiền thân năm 1961 là trường chuyên nghiệp trung cấp thuộc tổng cục vật tư, đến năm 1990 trường được hợp nhất với trường TCTM ST thành trường THPTMTW I. Đến năm 1998 trường được nâng cấp lên thành T. CĐKT-KTTM theo Quyết định số 97 ngày 22/5/1998 của Chính Phủ. Năm 1986 nhà trường nhận được quyết định số 683 ngày 13/12/1986 của Bộ nội thương (nay là Bộ công thương ) với nội dung tiếp nhận và điều động ông V.M.H đến nhận công tác tại trường. Sau đó đến ngày 25/12/1986 nhà trường ra Quyết định tiếp nhận và điều động ông H đến nhận công tác tại tổ giảng viên kinh tế của trường và trả lương cho ông H theo quy định hiện hành của nhà nước và ông H là viên chức của nhà trường vì theo quy định thì chỉ có lãnh đạo nhà trường mới là công chức nhà nước . Sau đó đến năm 2013 nhà trường căn cứ vào Quyết định số

0189 ngày 27/02/1999 của bộ trưởng Bộ thương mại ( nay là bộ công thương ) quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của trường và nghị định số 116 nghị định của Chính phủ về việc tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức nên nhà trường đã phải ký tất cả các hợp đồng đối với cán bộ công nhân viên chức, công chức của nhà trường. Nhà trường có mời ông H đến phòng tổ chức để ký hợp đồng thì ông H không đến ký. Trong quá trình ông H công tác tại trường thì ông H đã 02 lần vi phạm kỷ luật và nhà trường đã ra quyết định kỷ luật cụ thể:

Năm 1990 theo quyết định kỷ luật số 26 ngày 17/8/1990 hình thức kỷ luật là khiển trách với lý do ông H có ý thức kỷ luật kém không nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của các cấp lãnh đạo.

Năm 2002 bị kỷ luật hạ ngạch lương theo quyết định số 103 ngày 30/7/2002 từ giảng viên xuống chuyên viên và điều chuyển xuống công tác tại phòng quản trị đời sống ( nay là hành chính quản trị). Với lý do: ông H có hành vi nhận tiền của học sinh, vi phạm nội quy, quy chế của trường. Đồng thời với việc ra quyết định trên ngày 23/7/2002 nhà trường đã có công văn gửi Bộ thương mại xin ý kiến về việc xét kỷ luật đối với ông H và ngày 30/7/2002 Bộ thương mại có công văn số 2955 về việc nhất trí với Hội đồng kỷ luật của nhà trường. Sau khi ra quyết định trên thì nhà trường đã gửi các quyết định này cho ông H, không đồng ý với quyết định này ông H đã khiếu nại đến Bộ thương mại và ngày 18/11/2002 Bộ thương mại đã có quyết định số 1423 về việc trả lời giữ nguyên mức kỷ luật đối với ông H. Theo quy định của pháp luật thì đáng nhẽ ra kể từ thời điểm đó nhà trường cũng đã chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H, nhưng do tính nhân văn của nhà trường nên nhà trường vẫn để cho ông H công tác tại nhà trường. Năm 2015 nhà trường sát nhập hai phòng là phòng quản trị hành chính và phòng quản lý ký túc xá thành phòng hành chính quản trị do ông N.V.T làm trưởng phòng và ông H thuộc viên chức do ông T quản lý. Quá trình làm việc tại phòng thì ông H thường xuyên không chấp hành theo nội quy của phòng, cũng như công việc do phòng phân công cụ thể ông H không đến làm việc. Sự việc này ông T trưởng phòng cũng đã có văn bản Báo cáo lên ban lãnh đạo nhà trường và do tính nhân văn nên nhà trường cũng không ra các quyết định kỷ luật đối với ông H mà vận động ông H về nghỉ chế độ như ông H trình bày, nhưng ông H không nhất trí nên ngày 13/9/2017 nhà trường đã họp và ngày 14/9/2017 đã ra Thông Báo về việc ngừng trả lương đối với ông H và theo Thông Báo trên nhà trường cũng đã Thông Báo rõ cho ông H biết nếu ông H còn tiếp tục vi phạm kỷ luật thì nhà trường sẽ chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H. Kể từ khi ra

Thông Báo về việc ngừng trả lương cho ông H thì ông H vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật không đến làm việc, sự việc trên phòng hành chính cũng đã họp phòng và có văn bản đề nghị nhà trường xét kỷ luật đối với ông H và nhà trường cũng đã có văn bản Báo cáo Bộ công thương về sự việc trên. Sau khi nhận được văn bản trả lời của Bộ công thương thì đến ngày 31/10/2018 nhà trường đã họp và nhất trí ra văn bản số: 340/TB-CĐTM về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu trên thì nhà trường không đồng ý.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông xử:

Bc yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy bỏ Thông Báo số: 232/TB-CĐTM ngày 14/9/2017 về việc: Ngừng trả lương từ tháng 9/2017 đối với viên chức của T. CĐKT-KTTM; Hủy bỏ Thông Báo 340/TB – CĐTM ngày 31/10/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của T. CĐKT-KTTM.

2/ Buộc T. CĐKT-KTTM phải thanh toán cho ông H những khoản sau đây:

- Tiền lương từ tháng 9/2017 đến hết tháng 12/2018 là: 5.526.804 đồng x 16 tháng = 88.427.000 đồng
- Tiền trợ cấp thôi việc là 22 năm x 5.526.804 đồng x  $\frac{1}{2}$  = 60.786.000 đồng.

Tổng số tiền T. CĐKT-KTTM phải thanh toán cho ông H là 149.213.000 đồng.

3. Buộc T. CĐKT-KTTM phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H đến hết tháng 12 năm 2018 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và trả số bảo hiểm cho ông H theo đúng quy định của pháp luật.

4. Bc các yêu cầu khác của ông H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/7/2020 nguyên đơn ông H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H với lý do như đã nêu trong đơn kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và không bổ sung gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hợp đồng: Ông H được Bộ nội thương (nay là Bộ công thương ) phân công về giảng dạy tại trường TCTM ST ( nay là T. CĐKT-KTTM ) từ tháng 12/1986. T. CĐKT-KTTM là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ công thương. Năm 2013 căn cứ vào nghị định số 116 của Chính phủ về việc tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức T. CĐKT-KTTM đã ký tất cả các hợp đồng đối với cán bộ công nhân viên chức, công chức của nhà trường. Vì vậy, ông H thuộc trường hợp cán bộ, công chức chuyển thành viên chức và thuộc trường hợp hợp đồng làm việc không xác định thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25, Điều 58 và Điều 59 của Luật viên chức.

[2.2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông H về việc hủy bỏ Thông Báo số: 232/TB-CĐTM ngày 14/9/2017 của T. CĐKT-KTTM về việc: Ngừng trả lương từ tháng 9/2017 đối với viên chức thì HĐXX thấy: Tại biên bản hội nghị tổng kết năm học 2016-2017, 2017-2018 của phòng hành chính- Quản trị cũng đã thể hiện rõ lý do: Trong thời gian từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 9/2017, ông H thường xuyên vi phạm kỷ luật lao động, không đến cơ quan làm việc theo phân công của phòng và nhất trí đề nghị xếp loại lao động: Không hoàn thành nhiệm vụ. Tại biên bản họp của Công đoàn nhà trường ngày 01/9/2017 cũng đã họp và nhất trí đề nghị nhà trường xem xét để có biện pháp xử lý phù hợp đối với ông H. Quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày việc bị đơn cung cấp bảng chấm công thời gian đi làm của ông H thì ông H xin phép không trả lời câu hỏi này và ông cũng không biết nhà trường chấm công theo hình thức nào. Ông H cho rằng khi ông H đi làm

thì ông T không phân công bất cứ công việc gì cho ông, nhưng ông H cũng thừa nhận từ năm 2005 ông cũng đã được phân công nhiệm vụ quản lý khu nội trú ký túc xá. Như vậy theo quy định của Luật viên chức ông H buộc phải chấp hành theo sự phân công của nhà trường và chấp hành về thời gian làm việc. Việc ông H không đi làm nên T. CĐKT-KTTM đã ra Thông Báo ngừng trả lương đối với ông H là có căn cứ, nhưng trong trường hợp này lẽ ra T. CĐKT-KTTM phải xem xét xem ông H có thuộc trường hợp viên chức thường xuyên không hoàn thành công việc theo quy định của Luật viên chức hay chưa để ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H đồng thời với việc Thông Báo ngừng trả lương trên. Việc ngừng trả lương cho ông H phải được thực hiện kể từ khi chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H là tháng 12/2018. Vì vậy cấp sơ thẩm quyết định buộc T. CĐKT-KTTM phải thanh toán tiền lương cho ông H đến khi có Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H là có căn cứ. Tiền lương của ông H 06 tháng liền kề trước khi bị chấm dứt hợp đồng lao động là 5.526.804 đồng. Vì vậy T. CĐKT-KTTM phải thanh toán trả cho ông H là:  $5.526.804 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} = 88.427.000 \text{ đồng}$  là có cơ sở pháp luật.

Xét yêu cầu hủy bỏ Thông Báo 340/TB –CĐTM ngày 31/10/2018 của T. CĐKT-KTTM về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Quyết định về việc xếp loại lao động năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018 ông H đều xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ và trong nhiều tháng ông H vi phạm về thời gian, ngày công không đến cơ quan làm việc, nhà trường đã họp và nhất trí với phương án xử lý đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với ông H theo quy định tại Điều 29 của Luật viên chức. Như vậy, việc nhà trường ra văn bản chấm dứt làm việc đối với ông H là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H buộc nhà trường hủy bỏ Thông Báo về việc chấm dứt hợp đồng làm việc ( bản chất là Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ). Cấp sơ thẩm đã xem xét để đảm bảo quyền lợi cho viên chức nên buộc nhà trường phải thực hiện việc trợ cấp thôi việc cho ông H theo đúng quy định tại Điều 45 của Luật viên chức và Điều 49 Bộ luật lao động. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế trừ thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Do vậy, tiền trợ cấp thôi việc của ông H được tính là  $22 \text{ năm} \times 5.526.804 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 60.786.000 \text{ đồng}$  là có căn cứ pháp luật.

Tổng số tiền T. CĐKT-KTTM phải thanh toán cho ông H là 149.213.000 đồng.

Về bảo hiểm xã hội: T. CĐKT-KTTM phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H đến hết tháng 12/2018 và trả số bảo hiểm cho ông H theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các yêu cầu kháng cáo khác của ông H Hội đồng xét xử nhận thấy do T. CĐKT-KTTM ra văn bản chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H là có căn cứ nên các yêu cầu kháng cáo khác của ông H không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H không xuất trình thêm bất cứ tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Xét thấy tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông V.M.H 61 tuổi là người cao tuổi. Vì vậy theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí cho ông H; T. CĐKT-KTTM phải chịu án phí đối với các khoản tiền phải thanh toán cho ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 32, Điểm b Khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 25; khoản 1 Điều 29; Điều 42; Điều 44; khoản 1 Điều 45; Điều 58; Điều 59 của Luật viên chức; Căn cứ vào các điều 38 và 49 của Bộ luật Lao động.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án Lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy bỏ Thông Báo số 232/TB-CĐTM ngày 14/9/2017 về việc: Ngừng trả lương từ tháng 9/2017 đối với viên chức của T. CĐKT-KTTM; Hủy bỏ Thông



Báo 340/TB –CĐTM ngày 31/10/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động của T. CĐKT-KTTM.

2. Buộc T. CĐKT-KTTM phải thanh toán cho ông H những khoản sau đây:

- Tiền lương từ tháng 9/2017 đến hết tháng 12/2018 là: 5.526.804 đồng x 16 tháng = 88.427.000 đồng

- Tiền trợ cấp thôi việc là 22 năm x 5.526.804 đồng x  $\frac{1}{2}$  = 60.786.000 đồng.

Tổng số tiền T. CĐKT-KTTM phải thanh toán cho ông H là 149.213.000 đồng.

3. Buộc T. CĐKT-KTTM phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H đến hết tháng 12 năm 2018 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và trả số bảo hiểm cho ông H theo đúng quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận các yêu cầu khác của ông H.

5. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí đối với ông V.M.H. Hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000 đồng ( bảy trăm ngàn đồng ) tại biên lai thu số: 0007919 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

T. CĐKT-KTTM phải chịu 4.476.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2020.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hà Nội;
- Tòa án ND quận Hà Đông
- Các đ-ơng sự
- L- u hồ sơ, VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Thu Hồng**





